



hǎo rì zi

好日子

noun phrase · good days, happy life

Example Sentences

tā men zhōng yú guò shàng le hǎo rì zi
他们终于过上了好日子。

They finally started living a good life.

jīn tiān shì gè hǎo rì zi wǒ men jié hūn ba
今天是个好日子，我们结婚吧。

Today is a good day, let's get married.

Trace each character, then write the word on your own.

好	好	好	好	好	好	好	好	好		
日	日	日	日	日	日	日				
子	子	子	子	子	子					